

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/DS- ST
Ngày: 06-3-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn:

Ông Đoàn Văn R, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ủy quyền cho anh Phan Văn D, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn:

Bà Võ Ngọc Q, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn T (S), sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Phan Văn D có đơn xin vắng mặt; bà Q, ông T có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đoàn Văn R và đại diện theo ủy quyền anh Phan Văn D trình bày:

Từ 2015 đến 2018, ông R có bán thức ăn chăn nuôi heo cho bà Q và ông T; ông R giao thức ăn, bà Q nhận ký sổ nợ, mỗi bên giữ một sổ theo dõi, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn thanh toán tất cả nợ khi heo ra chuồng (khoảng 04 tháng) sau đó giao thức ăn mới.

Tuy nhiên trong quá trình mua bán với nhau bà Q và ông T không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên ông không còn bán thức ăn cho bà Q và ông T kể từ tháng 3/2017.

Ngày 23-12-2017, hai bên tổng kết nợ bà Q, ông T còn nợ ông R số tiền 175.334.000 đồng và bà Q có ký tên xác nhận nợ. Sau khi tổng kết, bà Q và ông T tiếp tục mua thức ăn của ông R nhưng với hình thức tiền mặt, đến tháng 10/2018 thì kết thúc.

Từ tháng 10 năm 2018 cho đến ngày nộp đơn ra tòa, bà Q, ông T trả được 5.334.000 đồng, đến ngày 27/12/2019 al thì bà Q và ông T trả thêm 5.000.000 đồng. Như vậy, đến thời điểm này thì bà Q và ông T còn nợ ông R 165.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện, ông R yêu cầu bà Q và ông T liên đới trả cho ông R 170.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu, không yêu cầu tính lãi. Nay anh xin thay đổi rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện là 5000.000 đồng, yêu cầu bà Q và ông T liên đới trả cho ông R 165.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Võ Ngọc Q trình bày:

Từ 2015 đến 2018, ông R có bán thức ăn chăn nuôi heo cho bà và ông T; ông R giao thức ăn, bà nhận ký sổ nợ, mỗi bên giữ một sổ theo dõi, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn thanh toán tất cả nợ khi heo ra chuồng (khoảng 04 tháng) sau đó giao thức ăn mới.

Tuy nhiên trong quá trình mua bán với nhau do bà và ông T trả nợ không đầy đủ nên ông R không còn bán thức ăn cho bà và ông T kể từ tháng 3/2017.

Ngày 23-12-2017, hai bên tổng kết nợ bà và ông T còn nợ ông R số tiền 175.334.000 đồng và bà có ký tên xác nhận nợ. Sau khi tổng kết, bà và ông T tiếp tục mua thức ăn của ông R nhưng với hình thức tiền mặt, đến tháng 10/2018 thì kết thúc.

Từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, bà và ông T trả được lần đầu là 5.334.000 đồng, đến ngày 27/12/2019 al thì bà và ông T trả được 5.000.000 đồng. Như vậy, đến thời điểm này thì bà và ông T còn nợ ông R 165.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải bà đồng ý cùng ông T liên đới trả cho ông R 165.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu nhưng xin trả dần một năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa bà đồng ý cùng ông T liên đới trả cho ông R 165.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu nhưng xin trả dần một năm 30.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T (S) trình bày :

Ông thừa nhận ông và bà Q còn nợ ông R 165.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi heo. Ông không có trực tiếp mua thức ăn với ông R nhưng việc bà Q mua thức ăn và còn nợ 165.000.000 đồng thì ông biết.

Tại phiên hòa giải ông đồng ý cùng bà Q liên đới trả nợ cho ông R nhưng xin trả dần một năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa ông đồng ý cùng bà Q liên đới trả cho ông R 165.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu nhưng xin trả dần một năm 30.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, qua tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã K, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

Anh Phan Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn anh D trình bày trong đơn khởi kiện, ông R yêu cầu bà Q và ông T liên đới trả cho ông R 170.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết anh đại diện nguyên đơn xin rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện là 5.000.000 đồng, yêu cầu bà Q và ông T liên đới trả cho ông R 165.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu, không yêu cầu tính lãi. Việc phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu là tự nguyện, phù hợp qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ là phù hợp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi giữa các bên được hai bên các bên thừa nhận có thật, phía bà Q, thừa nhận còn nợ ông R số tiền là 165.000 đồng tiền thức ăn gia súc như phía ông R yêu cầu. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh nên có cơ sở khẳng định bà Q còn nợ ông R tiền thức ăn chăn nuôi. Bà Q, ông T đồng ý trả nhưng ông bà đồng ý trả cho ông R 165.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu nhưng xin trả dần một năm 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng phía ông R không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông R và bà Q thỏa thuận từ ngày mua thức ăn đến ngày trả tiền là khi heo ra chuồng nhưng bà Q không trả tiền theo đúng thỏa thuận và bà Q đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả tiền của

bên mua nên buộc bà Q, phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ là 165.000.000 đồng cho ông R là phù hợp. Việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện nên ghi nhận.

Đối với ông T là chồng bà Q mặc dù không trực tiếp tham gia hợp đồng mua bán thức ăn với ông R, tuy nhiên việc bà Q mua thức ăn nuôi heo là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình, ông T cũng đồng ý cùng bà Q liên đới trả nợ, do đó căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc ông Trần Văn T phải liên đới cùng với bà Q trả cho ông R số tiền nợ thức ăn chăn nuôi còn nợ 165.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Q, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 431, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Văn R đối với số tiền 5.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn R

Buộc bà Võ Ngọc Q và ông Trần Văn T (S) liên đới trả cho ông Đoàn Văn R số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 165.000.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Võ Ngọc Q và ông Trần Văn T (S) liên đới phải nộp 8.250.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Đoàn Văn R số tiền tạm ứng án phí là 4.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007771 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Đương sự (03b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

